

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN TUY PHONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2024 v/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tấn Sinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hà

Bà Thái Thị Dung

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đắc Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Bích Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐHPT - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Phương D**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông **Lê Bá T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Phương D trình bày: Bà và ông Lê Bá T1 nguyện sống chung với nhau từ năm 2011 và có đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 47/2011, Quyền số 01/2011, ngày 16/4/2011. Sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên ảnh hưởng đến người thân và con cái, vợ chồng cũng đã cố gắng hoà giải để tiếp tục sống chung lo con con cái nhưng càng cố gắng càng không tìm được tiếng nói chung và không thể tiếp tục sống chung với nhau được; vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Hiện nay bà đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận còn ông Lê Bá T2 con trai tên Lê Bá H sinh sống tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận cùng mẹ ruột của ông.

Khi làm đơn ly hôn với ông Lê Bá T3 Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tôi có liên hệ với ông Lê Bá T4 giải quyết nhưng ông T cố tình lẩn tránh không chịu đến Tòa án làm việc.

Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, níu kéo cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Bá T5 bà không đồng ý trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H1 sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H1 ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H1 đang ở với bà còn cháu H2 ở với ông H3 nguyện vọng của bà: xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 cho đến khi trưởng thành và giao cháu H4 ông Lê Bá T6 dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: bà D1: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Bá T: Theo biên bản xác minh đối với mẹ ruột của ông Lê Bá T (bà Cao Thị P ông Lê Bá T7 hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Lê Bá T8 đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Lê Bá T vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Phương D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Bá T9 thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Phương D ly hôn với ông Lê Bá T10

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H1 sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H1 ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H1 đang ở với bà còn cháu H2 ở với ông H3 nguyện vọng của bà: xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 cho đến khi trưởng thành và giao cháu H4 ông Lê Bá T6 dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và cháu H(cháu H1 mong muốn được sống cùng mẹ D còn cháu H6 muốn được ở với ba T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Phương D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Phương D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Bá T, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Bá T7 nơi cư trú tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Lê Bá T11 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông T12 theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị Phương D và ông Lê Bá T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 47/2011, Quyền số 01/2011, ngày 16/4/2011 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà D2 bày, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên ảnh hưởng đến người thân và con cái, vợ chồng cũng đã cố gắng hoà giải để tiếp tục sống chung lo con con cái nhưng càng cố gắng càng không tìm được tiếng nói chung và không thể tiếp tục sống chung với nhau được; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Lê Bá T9 chấp hành, điều này chứng tỏ ông Lê Bá T9 có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà D. Quá trình xác minh đối mẹ ruột của ông T13 khẳng định bà D3 ông T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D3 ông T11 trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương D.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H1 sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H1 ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H1 đang ở với bà D còn cháu H2 ở với ông T, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và cháu H (cháu H1 mong muốn được sống cùng mẹ D còn cháu H6 muốn được ở với ba T10 Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu L Lê Bá H7 Hội đồng xét xử sẽ giao con chung tên Lê Ngọc H1 cho bà Trần Thị Phương D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao cháu Lê Bá H8 cho ông Lê Bá T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị X là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương D4 với ông Lê Bá T10 Bà Trần Thị Phương D5 ly hôn với ông Lê Bá T10

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H1 sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H1 ngày 12/01/2015. Giao con chung tên Lê Ngọc H1 cho bà Trần Thị Phương D6 tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao con chung tên Lê Bá H9 ông Lê Bá T14 tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về án phí: Bà Trần Thị Phương D7 nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006729 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà D đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/8/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN TUY PHONG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **58/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 07/8/2024 v/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Võ Tấn S

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Trần Thị Hà

Bà Thái Thị Dung

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đắc Quốc T15 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích N – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐHPT - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Phương D9**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông **Lê Bá T16**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Phương D9 trình bày: Bà và ông Lê Bá T16 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011 và có đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 47/2011, Quyển số 01/2011, ngày 16/4/2011. Sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận; cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên ảnh hưởng đến người thân và con cái, vợ chồng cũng đã cố gắng hoà giải để tiếp tục sống chung lo con con cái nhưng càng cố gắng càng không tìm được tiếng nói chung và không thể tiếp tục sống chung với nhau được; vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Hiện nay bà đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của bà tại khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận còn ông Lê

Bá T16 dẫn con trai tên Lê Bá H10 về sinh sống tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận cùng mẹ ruột của ông.

Khi làm đơn ly hôn với ông Lê Bá T16 tại Toà án nhân dân huyện Tuy Phong, tôi có liên hệ với ông Lê Bá T16 để giải quyết nhưng ông T16 cố tình lẩn tránh không chịu đến Toà án làm việc.

Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, níu kéo cũng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Bá T16 chứ bà không đồng ý trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H11, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H10, sinh ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H11 đang ở với bà còn cháu H10 đang ở với ông H10 nên nguyện vọng của bà: xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H11 cho đến khi trưởng thành và giao cháu H10 cho ông Lê Bá T16 nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: bà D9 khai: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Bá T16: Theo biên bản xác minh đối với mẹ ruột của ông Lê Bá T16 (bà Cao Thị P1) thì ông Lê Bá T16 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Lê Bá T16 theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Lê Bá T16 vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Phương D9 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Bá T16 không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị Phương D9 ly hôn với ông Lê Bá T16.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H11, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H10, sinh ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H11 đang ở với bà còn cháu H10 đang ở với ông H10 nên nguyện vọng của bà: xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H11 cho đến khi trưởng thành và giao cháu H10 cho ông Lê Bá T16 nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H11 và cháu H10 (cháu H11 mong muốn được sống cùng mẹ D9 còn cháu H10 mong muốn được ở với ba T16). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Phương D9 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Phương D9 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Bá T16, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Bá T16 có nơi cư trú tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Phương D9 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Lê Bá T16 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông T17 theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị Phương D9 và ông Lê Bá T16 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số 47/2011, Quyển số 01/2011, ngày 16/4/2011 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà D9 trình bày, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên ảnh hưởng đến người thân và con cái, vợ chồng cũng đã cố gắng hoà giải để tiếp tục sống chung lo con con cái nhưng càng cố gắng càng không tìm được tiếng nói chung và không thể tiếp tục sống chung với nhau được; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Lê Bá T16 không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Lê Bá T16 không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà D9. Quá trình xác minh đối mẹ ruột của ông T16 cũng khẳng định bà D9 và ông T16 đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D9 và ông T16 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương D9.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H11, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H10, sinh ngày 12/01/2015; hiện nay cháu H11 đang ở với bà D9 còn cháu H10 đang ở với ông T16, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H11 và cháu H10 (cháu H11 mong muốn được sống cùng mẹ D9 còn cháu H10 mong muốn được ở với ba T16). Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu Lê Ngọc H11 và Lê Bá H10 nên Hội đồng xét xử sẽ giao con chung tên Lê Ngọc H11 cho bà Trần Thị

Phương D9 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao cháu Lê Bá H10 cho ông Lê Bá T16 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Phương D9 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị X1 là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương D9 đối với ông Lê Bá T16. Bà Trần Thị Phương D9 được ly hôn với ông Lê Bá T16.

Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Lê Ngọc H11, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Bá H10, sinh ngày 12/01/2015. Giao con chung tên Lê Ngọc H11 cho bà Trần Thị Phương D9 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao con chung tên Lê Bá H10 cho ông Lê Bá T16 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về án phí: Bà Trần Thị Phương D9 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà D9 đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0006729 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà D9 đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/8/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- UBND phường P, TP P;
- Lưu HS.

**Võ Tấn Sinh**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- UBND phường Phú Thủy, TP Phan Thiết;
- Lưu HS.

**Võ Tấn Sinh**